

Số: 453/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 27**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Đất đai ngày 18 ngày 01 năm /2024;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025, Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1020/BC-KTNS ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện; thông tin khác của dự án đối với 16 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất.

(Có 01 biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 27 thông qua ngày 21 tháng 01 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, THỜI GIAN THỰC HIỆN, THÔNG TIN KHÁC CỦA DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 453/NQ-HĐND ngày 21/01/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)					Diện tích điều chỉnh, bổ sung (m2)							Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung		
				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó					Diện tích thu hồi đất		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Đất trồng lúa		Đất rừng SX	Đất rừng PH					Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)
Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất rừng SX	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)										
MỘC CHÂU																			
1	Khu dân cư dịch vụ cửa ngõ	Phiêng Luông	Nghị Quyết số 209/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	351.900,0					310.900,0	387.403,0						246.403,0	Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh	Ngoài NS	
2	Khu dân cư mới 2,5, 2,6, 2,10 tại xã Phiêng Luông huyện Mộc Châu, xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ thuộc khu du lịch quốc gia Mộc Châu	Phiêng Luông	Nghị Quyết số 122/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	182.773,0					5.721,0								177.052,0	Năm 2025-2026 QĐ số 780/QĐ-UBND ngày 23/4/2021; Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh	Ngoài NS
MAI SƠN																			
3	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn	NQ 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022	55.000,0													55000	Năm 2025 Số 2496/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND huyện; Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND huyện Mai Sơn	Ngân sách huyện
4	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Cây Me - Nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn	NQ 51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	25.000,0													25.000	Năm 2025 Số 1919/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 08/1/2025 của UBND huyện Mai Sơn	Ngân sách huyện
5	Hệ thống kênh mương thủy lợi Nà Sản (Hạng mục hệ thống cấp nước sau bể áp lực cửa ra tuy nêl tại NQ 35/NQ-HĐND ngày 01/11/2021)	Huyện Mai Sơn	NQ 35/NQ-HĐND ngày 01/11/2021	224.600,0	11700												212.900	Đến 30/6/2025 Số 3081/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021; Công văn số 5178/BNN-XD ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	NSNN+ NSĐP

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)						Diện tích điều chỉnh, bổ sung (m2)						Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung			
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó					Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó					Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn		
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Đất trồng lúa		Đất rừng SX	Đất rừng PH				Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	
					Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất chưa có rừng	Đất có rừng					Đất chưa có rừng
6	Đường giao thông từ tiểu khu 26/3 xã Cò Nòi, đến tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	Huyện Mai Sơn	NQ 33/NQ-HĐND ngày 01/11/2021	300.000,0				50000	250.000							Năm 2025	271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021; NQ số 16/NQ-HĐND ngày 10/8/2021; Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh	NSTW, nguồn thu từ đất, NST	
7	Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (Hạng mục hệ thống đường giao thông trong khu công nghiệp)	Huyện Mai Sơn	NQ 35/NQ-HĐND ngày 01/11/2021	4.500,0					4.500							Năm 2025	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Sơn La	NSTW, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác	
SÔNG MÃ																			
8	Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Xã Mường Cai	NQ số 273/NQ-HĐND ngày 29/04/2021	53.339,0					53.339,0	-							Năm 2025	NQ số 261/NQ-HĐND ngày 11/2/2021 tỉnh; 397/NQ-HĐND ngày 29/10/2024	NS trung ương
9	Kè bờ hữu sông Mã đoạn từ cầu cứng về phía hạ lưu 1.700m	Xã Nà Nghịu	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	13.000,0					13.000,0	5.755,20					5.755,2			NQ 36/NQ-HĐND ngày 28/10/2021; NQ số 60/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	NS Huyện
10	Thủy điện Nậm Công 3A	Xã Huổi Mốt	NQ số 106/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	118.218,0	1.232,7				116.985,3	105.400,60		1.019,0	9.915,9		5.690,4	88.775,3	Năm 2025	Quyết số 2670/QĐ-UBND ngày 13/10/2017; Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 05/01/2019; Công văn số 90/SKHĐT-KTĐN ngày 16/01/2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La	Vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)						Diện tích điều chỉnh, bổ sung (m2)						Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung				
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó					Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó					Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn		
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Đất trồng lúa		Đất rừng SX	Đất rừng PH						
					Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất chưa có rừng	Đất có rừng					Đất chưa có rừng	
11	Đường tỉnh 113 (đoạn Phiêng Phụ - Thị trấn Sóng Mã)	Xã Nà Nghịu	NQ số 273/NQ-HĐND ngày 29/04/2021; NQ số 106/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	242.200,0	2.000,0	30.000	27.000	183.200	200.146,80						29.600,0	41.935,8	128.611	Năm 2025	NQ số 261/NQ-HĐND ngày 11/2/2021 tỉnh	NS trung ương
12	Cầu cứng bản Tây Hồ xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu	NQ số 104/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	6.500,0				6.500	-									Năm 2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 huyện; NQ số 421/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	NS Huyện
13	Kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ cầu cứng về phía thượng lưu 520m)	Xã Nà Nghịu	NQ số 104/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	10.300,0				10.300,0	-									Năm 2025	NQ số 02/NQ-HĐND ngày 14/1/2022 huyện; NQ số 421/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	NS Huyện
14	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Tin Tốc xã Mường Sai	Xã Mường Sai	NQ số 104/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	112.000,0	900,0			111.100	82.859,20	522,1							82.337,1		NQ số 15/NQ-HĐND ngày 10/8/2021; số 158/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 Tỉnh	NS Tỉnh + NS Huyện
15	San nền đường giao thông hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai	Xã Nà Nghịu	Số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Số 251/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; NQ số 106/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	50.000,0	44.000,0			6.000	21.639,00	15.615,1							6.023,9	Năm 2025	NQ số 02/NQ-HĐND ngày 14/1/2022 huyện; NQ số 31/NQ-HND ngày 19/6/2023	NS Huyện
16	Sân thể thao xã Mường Sai, huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	NQ số 264/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	10.952,0				10.952	10.759,30								10.759,3		Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 huyện Sông Mã	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện; Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất ngân sách huyện